

Bản án số: 627/2023/HNGĐ -ST

Ngày: 29-9-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Kim Hoàng

2/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 293/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:118/2023/QĐST-HPT ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bé H, sinh năm: 1981; địa chỉ: 180/56 đường P, Phường D, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Kim Hoàng N, sinh năm: 1977; Địa chỉ: 180/56 đường P, Phường D, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2023, bản tự khai ngày 06/6/2023, ngày 21/8/2023 nguyên đơn bà Bùi Thị Bé H trình bày:

Bà và ông Lê Kim Hoàng N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 048/2004 ngày 18/6/2004 tại Ủy ban nhân dân Phường D, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống đã không hạnh phúc nguyên nhân là do ông N không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Một mình bà phải lo kinh tế cho gia

đình và chăm lo cho các con, nhiều lần bà đã nói chuyện với ông N nhưng ông N vẫn vô tâm không màng đến gia đình. Ông N cũng nhiều lần nhậu nhẹt và vợ chồng có xảy ra tranh chấp, có lần ông N còn đánh bà. Vì thương hai con nên bà đã cố gắng duy trì gia đình nhưng mỗi khi xảy ra chuyện là ông N lại đuổi bà ra khỏi nhà. Từ tháng 01 năm 2023 bà và ông N tuy cùng sống chung một nhà nhưng phòng ai nấy ngủ. Từ tháng 5/2023 cho đến nay bà đã dẫn hai con chuyển ra ngoài thuê nhà sống. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N

Về con chung: bà và ông N có với nhau 02 (hai) con chung tên là: Lê Kim Ý N, sinh ngày 16/9/2005 và Lê Kim Hoàng T, sinh ngày 19/4/2009. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị Bé H và ông Lê Kim Hoàng N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 18/6/2004 đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn thể hiện bà H và ông N đang sống ly thân với nhau từ tháng 5/2023 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nguyên nhân là do ông N không chăm lo kinh tế gia đình, không chăm sóc các con. Nhận thấy mâu thuẫn của cả hai đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mỗi người sống một nơi, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: bà H có nguyện vọng nuôi hai con là Lê Kim Ý N, sinh ngày 16/9/2005 và Lê Kim Hoàng T, sinh ngày 19/4/2009. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2023) thì Ý N đã trưởng thành vì vậy không xem xét giải quyết. Trẻ Lê Kim Hoàng T, sinh ngày 19/4/2009 có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Thắng. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông N cũng dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà H khai không có, không yêu cầu giải quyết. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Bùi Thị Bé H có đơn yêu cầu ly hôn với ông Lê Kim Hoàng N nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông N vẫn tiếp tục vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Theo như lời trình bày của bà H thì từ khi về sống chung với nhau vợ chồng sống đã không hạnh phúc nguyên nhân là do ông N sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Mỗi lần xảy ra mâu thuẫn là ông N lại đuổi bà ra khỏi nhà. Từ tháng 05/2023 cho đến nay thì bà H và hai con đã dọn ra sống riêng.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...*”. nhưng giữa vợ chồng bà H và ông N đã không có sự tôn trọng, quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H nhưng ông N đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ ông N cũng không còn tha thiết để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H. Từ tháng 5/2023 cho đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân với nhau không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Bùi Thị Bé H và ông Lê Kim Hoàng N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Bùi Thị Bé H được ly hôn với ông Lê Kim Hoàng N là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà H xác định bà và ông N có với nhau 02 (hai) con chung tên là: Lê Kim Ý N, sinh ngày 16/9/2005 và Lê Kim Hoàng T, sinh ngày 19/4/2009. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung là Ý N và Hoàng T. Hội đồng xét xử xét thấy, em Lê Kim Ý N, sinh ngày 16/9/2005, tại thời điểm bà Hòa nộp đơn khởi kiện ly hôn thì trẻ Ý N chưa thành niên. Tuy nhiên, đến ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2023) thì em Ý N đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc chăm sóc, nuôi dưỡng con đã thành niên.

Vì vậy, Hội đồng xét xử giao trẻ Lê Kim Hoàng T, sinh ngày 19/4/2009 cho bà Bùi Thị Bé H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà H nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản

1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Bé H

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Bùi Thị Bé H được ly hôn với ông Lê Kim Hoàng N

Giấy chứng nhận kết hôn số 048/2004, đăng ký ngày 18/6/2004 tại Ủy ban nhân dân phường D, quận 6 cấp cho bà Bùi Thị Bé H và ông Lê Kim Hoàng N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà H xác định bà H và ông N có với nhau 02 (hai) con chung tên là: Lê Kim Ý N, sinh ngày 16/9/2005 (đã trưởng thành) và Lê Kim Hoàng T, sinh ngày 19/4/2009. Giao trẻ Lê Kim Hoàng T, sinh ngày 19/4/2009 cho bà Bùi Thị Bé H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trẻ trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Bà Bùi Thị Bé H có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Lê Kim Hoàng N đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà H khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Bùi Thị Bé H nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013278 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà Hòa đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND phường 4, Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhân